TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-7- 2023
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Trần Văn Phương**;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Minh Lệ**;
Bà **Trần Thị Thanh Hà**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Hồng Huệ**- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà: Bà **Hoàng Thị Thúy**- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 14/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023, về việc tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Tuấn V, sinh năm: 1992; địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện T, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm: 1992; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã V, huyện T, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và nguyên đơn anh Lê Tuấn V trình bày:

Anh Lê Tuấn V và chị Nguyễn Thị Lệ T đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2018 chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vì sống xa nhau nên phát sinh mâu thuẫn không thể khắc phục được, anh V thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/9/2013, hiện cháu K đang sống chung cùng với anh V. Khi ly hôn anh V có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Lê T không có ý kiến đối với yêu cầu của anh V.

Theo Biên bản xác minh ngày 19/5/2023, bà Lê Thị C mẹ của bị đơn có ý kiến: Chị Nguyễn Thị Lệ T sinh sống và lao động tại nước Đài Loan từ năm 2018, gia đình thường xuyên liên lạc với chị T qua mạng xã hội, còn địa chỉ cụ thể của chị T gia đình không biết. Sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, gia đình có thông tin cho chị T được biết và chị T có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh V, chị T đồng ý ly hôn và đồng ý giao con chung Lê Nguyễn Đăng K cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà C cam kết nhận tất cả văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo nội dung kịp thời cho chị T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định. Vụ án có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về hôn nhân: Cho anh Lê Tuấn V được ly hôn chị Nguyễn Thị Lệ T.

+ Về con chung: Giao cho anh Lê Tuấn V quyền trực tiếp nuôi cháu Lê Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/9/2013. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Anh V chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Tuấn V yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Lệ T khi chị T đang xuất khẩu tại Đài Loan. Trước và sau khi thụ lý vụ án, anh V và gia đình chị T không cung cấp được địa chỉ của chị T tại Đài Loan, nhưng phía gia đình của chị T vẫn thường xuyên liên lạc với chị T qua mạng xã hội Facebook, gia đình chị T nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết thông báo nội dung cho chị T nhưng chị T không trực tiếp tham gia tố tụng và không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của anh V nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc *"Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ"* để giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Lê Tuấn V và chị Nguyễn Thị Lệ T đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Quảng Trị trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống đến năm 2018, chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó đến nay không về, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và cắt đứt liên lạc với nhau. Xét thấy, tình cảm giữa anh V và chị T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận anh V được ly hôn chị T.

[2.2] Về con chung: Cháu Lê Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/9/2013, hiện cháu K đang sống chung cùng với anh V do đó nguyện vọng nuôi con của anh V hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình nên được chấp nhận. Anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Lê Tuấn V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn anh Lê Tuấn V và chị Nguyễn Thị Lệ T *(ĐKKH số 04 ngày 02/4/2013).*

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/9/2013 cho anh Lê Tuấn V quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Lệ T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Tuấn V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số CC/2021/0000244 ngày 15/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Anh V đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh QTrị;
- Cục THADS tỉnh QTrị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- UBND xã V, huyện T;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Phương